

Bản án số: 03/2017/KDTM-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2017
“ V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Tuấn

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Bùi Văn Tám

2/ Ông Tạ Văn Đức

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Văn Tiệp- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:* Ông Phan Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án thụ lý số: 01/2017/TLST-KDTM ngày 23/01/2017 “ V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXXST- KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: Đường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T- Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương A.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Văn P- Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A- Chi nhánh B, ông Nguyễn Việt P- Phó giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A- Chi nhánh B, ông Nguyễn Hoàng L- Trưởng phòng tổng hợp và ông Hà Như H- Cán bộ xử lý nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần A- Chi nhánh B (Văn bản uỷ quyền ngày 21/01/2013 và Văn bản uỷ quyền ngày 16/5/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần A).

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (Ông Nguyễn Hoàng L có mặt).

Bị đơn: 1. Ông Lê Văn B, sinh năm 1972 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T là ông Lê Văn B (Văn bản ủy quyền ngày 06/8/2013); cùng cư trú: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1970 (vắng mặt);
2. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1973 (vắng mặt);
3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1997 (vắng mặt);
4. Anh Trần Văn N, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của anh N là ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị L (là bố mẹ đẻ của anh N); cùng cư trú: Thôn T, xã T, huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (Vắng mặt);
6. Chị Chu Thị H, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

7. Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc: Đại diện theo pháp luật Ông Đỗ Văn K - Chủ tịch UBND xã T (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/6/2013 của Ngân hàng thương mại cổ phần A và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/10/2011 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A- Chi nhánh B (gọi tắt là Ngân hàng) với vợ chồng ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T ký kết Hợp đồng tín dụng số 11.26.0658/HĐTD với nội dung: Cho ông B và bà T vay với hạn mức là 4.000.000.000 đồng; lãi suất cho vay 19%/ năm; lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất trong hạn. Mục đích vay để kinh doanh mua bán ô tô; ngày trả lãi là ngày 10 hàng tháng; thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/10/2012. Ngân hàng đã giải ngân cho ông B và bà T tổng số tiền 4.000.000.000 đồng theo các giấy nhận nợ, cụ thể như sau: Ngày 28/02/2012 nhận 600.000.000 đồng, ngày 02/3/2012 nhận 800.000.000 đồng, ngày 08/3/2012 nhận 800.000.000 đồng, ngày 19/3/2012 nhận 390.000.000 đồng, ngày 04/4/2012 nhận 500.000.000 đồng, ngày 06/4/2012 nhận 910.000.000 đồng.

Để đảm bảo khoản vay trên ông B, bà T và ông Nguyễn Văn P, bà Phạm Thị L đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản như sau:

Tài sản 1: Theo Hợp đồng thế chấp số: 11.26.0658A/ HĐTC ngày 12/10/2011 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/VBSĐBS ngày

17/10/2011. Thẻ chấp 01 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa số 350, tờ bản đồ số 07, diện tích 125 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 462177 do UBND huyện Y cấp ngày 29/9/2003 đứng tên ông Lê Văn B; địa chỉ tài sản: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tài sản 2: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 11.26.0658A/HĐTC ngày 12/10/2011 và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/10/2011. Thẻ chấp 01 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 384, tờ bản đồ 07, diện tích 125m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AP 376268 do UBND huyện Y cấp ngày 25/8/2009 đứng tên ông Lê Văn B; địa chỉ tài sản: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tài sản 3: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 11.26.0658B/HĐTC ngày 12/10/2011 ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị L. Thẻ chấp 01 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 13, tờ bản đồ số 02, diện tích 187 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 010080 do UBND huyện Y cấp ngày 15/01/1998 đứng tên ông Nguyễn Văn P; địa chỉ tài sản: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông B, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc việc trả nợ. Ngân hàng đã cho ông B, bà T rút tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 125 m² đất thửa số 384 tờ bản đồ 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AP 376268 do UBND huyện Y cấp ngày 25/8/2009 đứng tên ông Lê Văn B; địa chỉ tài sản: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc để tự xử lý, sau khi bán tài sản ông B, bà T đã trả cho Ngân hàng 650.000.000 đồng tiền gốc. Tính đến hết ngày 27/9/2016 ông B, bà T còn nợ Ngân hàng là 6.244.811.223 đồng, trong đó: Nợ gốc là 3.350.000.000 đồng; lãi trong hạn là 1.950.555.557 đồng; lãi phạt quá hạn là 944.255.666 đồng. Ngân hàng đề nghị ông B, bà T phải trả nợ toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 27/9/2016 là 6.244.811.223 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 28/9/2016 cho đến khi trả hết nợ vay. Trường hợp ông B, bà T không trả được nợ, đề nghị Toà án cho xử lý tài sản bảo đảm là tài sản của ông B và bà T và tài sản của ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị L để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị L Ngân hàng chỉ đề nghị bảo đảm cho số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán tài sản sau khi trừ đi các chi phí cho việc bán tài sản không đủ để trả hết cho nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, thì ông B, bà T vẫn phải có trách nhiệm trả hết nợ vay cho Ngân hàng cả gốc và lãi bằng các nguồn thu hoặc bằng tài sản khác của cá nhân ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T.

Bị đơn ông Lê Văn B trình bày: Việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng như đại diện Ngân hàng

trình bày là đúng. Do làm ăn thua lỗ nên ông không có khả năng trả nợ như cam kết, ngày 07/8/2015 ông có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu đối với tài sản là thửa đất số 350, tờ bản đồ số 07, diện tích 125 m². Tuy nhiên, ngày 23/9/2015 ông đã rút yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu trên.

Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông trả toàn bộ nợ tiền gốc và tiền lãi như trên, ông B đề nghị được bàn giao cho Ngân hàng tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị L để xử lý, đối với tài sản đứng tên ông đề nghị được tự xử lý để trả nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn P trình bày: Ngày 12/10/2011, ông bà với Ngân hàng ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 11.26.0658B/HĐTC, thế chấp 01 Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất của thửa đất số 13, tờ bản đồ số 02, diện tích 187 m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 010080 do UBND huyện Y cấp ngày 15/01/1998 đứng tên ông. Địa chỉ tài sản: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Mục đích để ông B, bà T vay vốn Ngân hàng nhưng chỉ cho mượn thời hạn 01 năm, đến nay ông B, bà T chưa trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà. Ông Nguyễn Văn P đề nghị ông B và bà T trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà. Bà Phạm Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ông Đỗ Văn K- Chủ tịch UBND xã T trình bày: Khi xây dựng công trình trên đất ông B, bà T không có hồ sơ thiết kế gửi UBND xã nên không phát hiện ra việc gia đình ông B xây dựng lấn chiếm. Địa phương yêu cầu ông B, bà T phải tháo dỡ tài sản trên đất công để trả lại diện tích lấn chiếm cho địa phương.

Với nội dung trên, tại Bản án số: 19/2016/KDTM-ST ngày 28/9/2016, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã áp dụng: Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 290, 344, 355, 361, 363, 369, 471, 474, 476, 715, 720, 721 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL - UBTVQH12 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Quyết định:

Buộc ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và tiền lãi của hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 27/9/2016 là 6.244.811.223 đồng (trong đó tiền gốc là 3.350.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là 2.894.811.223 đồng). Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 28/9/2016 đối với số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số 11.26.0658/HĐTD ngày 14/10/2011 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T không trả tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì tài sản bảo đảm sẽ bị xử lý để thu hồi nợ, cụ thể là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 350, tờ bản đồ số 07, diện tích 125 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 462177 do

UBND huyện Y cấp ngày 29/9/2003 đứng tên ông Lê Văn B; địa chỉ tài sản thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo hợp đồng thế chấp tài sản số 11.26.0658A/HĐTC ngày 12/10/2011.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 13, tờ bản đồ số 02, diện tích 187 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 010080 do UBND huyện Y cấp ngày 15/01/1998 đứng tên ông Nguyễn Văn P; địa chỉ tài sản: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 11.26.0658B/HĐTC ngày 12/10/2011, sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng đối với khoản tiền gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Nếu số tiền bán các tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ thì ông B, bà T vẫn phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đến khi trả hết toàn bộ nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 26/10/2016, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định kháng nghị số: 1349/2016/KNPT- KDTM với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số: 16/2016/KDTM-PT ngày 22/12/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã áp dụng khoản 3 Điều 308 và Khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy Bản án sơ thẩm số: 19/2016/KDTM-ST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 23/01/2017, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết, ngày 19/4/2017 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung:

- Rút yêu cầu đòi nợ gốc, lãi, lãi phạt tính đến hết ngày 18/4/2017 là 3.059.825.684đ (Trong đó nợ gốc: 1.550.000.000đ, nợ lãi 1.016.119.466đ, nợ lãi quá hạn 493.706.218đ). Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày: Khi rút yêu cầu khởi kiện trên do có nhầm lẫn về số liệu, tính toán sai nên đề nghị được sửa đổi như sau: Rút yêu cầu đòi nợ gốc, lãi, lãi phạt tính từ ngày 10/8/2012 đến hết ngày 30/5/2017 là 3.016.981.028đ (Trong đó nợ gốc: 1.550.000.000đ, nợ lãi 986.001.398đ, nợ lãi quá hạn 480.979.630đ). Rút yêu cầu về việc xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 11.26.0658A/ HĐTC ngày 12/10/2011 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/VBSĐBS ngày 17/10/2011 đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 350, tờ bản đồ số 07, diện tích 125 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 462177 do UBND huyện Y cấp ngày 29/9/2003 đứng tên ông Lê Văn B.

- Đề nghị buộc ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T trả Ngân hàng tổng số tiền tính từ ngày 10/8/2012 đến hết ngày 30/5/2017 là 3.672.403.111đ (Trong đó nợ gốc: 1.800.000.000đ, nợ lãi 1.260.936.103đ, nợ lãi quá hạn 611.467.008đ). Ông B và bà T phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc 1.800.000.000đ kể từ ngày 31/5/2017 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông B và bà T không trả được nợ đối với số nợ gốc 1.000.000.000đ trong tổng nợ gốc 1.800.000.000đ và lãi phát sinh tính từ ngày 10/8/2012 đến hết ngày 30/5/2017 (tiền lãi là 636.129.934đ, lãi quá hạn là 310.309.439đ), đề nghị xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 11.26.0658B/HĐTC ngày 12/10/2011 là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 13; diện tích 187 m², tờ bản đồ số 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 010080 do UBND huyện Y cấp ngày 15/01/1998 đứng tên ông Nguyễn Văn P; địa chỉ tài sản: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngoài ra, Ngân hàng còn đề nghị tiếp tục xử lý các tài sản khác của ông B và bà T để trả nợ trong trường hợp tài sản bảo đảm trên không đủ trả nợ.

Bị đơn ông Lê Văn B trình bày: Ông nhất trí với lời trình bày của Ngân hàng về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng, về nợ gốc, nợ lãi cũng như yêu cầu trả nợ. Do kinh tế khó khăn ông đề nghị bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý để thanh toán nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T và chị Chu Thị H trình bày: Vợ chồng anh chị có tài sản là 01 thửa đất số 16, tờ bản đồ số 07, diện tích 125m²; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Thửa đất của anh chị giáp với thửa đất số 350, tờ bản đồ số 07 của gia đình ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T đã thế chấp ngân hàng. Năm 2004 ông B, bà T xây nhà lấn sang đất nhà anh chị chiều ngang là 5cm, chiều dọc thửa đất là 25m. Anh T và chị H đề nghị ông B, bà T có trách nhiệm phá dỡ phần công trình đã xây dựng lấn chiếm, trả lại diện tích đất lấn chiếm cho anh chị.

Bà Phạm Thị L có lời khai nhưng không ký biên bản trình bày: Thửa đất số 13; diện tích 187 m², tờ bản đồ số 02; địa chỉ tài sản: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, do chồng bà là ông Nguyễn Văn P đứng tên. Thửa đất này bà và ông Phương đã ký thế chấp cho ông B và T vay vốn Ngân hàng, việc xử lý thửa đất trên như thế nào do ông Nguyễn Văn P quyết định, bà không có đề nghị gì.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và yêu cầu phản tố của ông B. Ngoài ra, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông B và bà T phải thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi, lãi phạt và xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp ông B và bà T không thanh toán nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T theo Hợp đồng tín dụng số 11.26.0658/HĐTD ngày 14/10/2011. Quá trình thực hiện Hợp đồng ông B và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Ngân hàng có đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T và chị H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, các đương sự khác đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo thủ tục chung.

Xét về yêu cầu của các đương sự:

[1]. Ngày 07/8/2015 ông Lê Văn B có đơn phản tố yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng thế chấp số: 11.26.0658A/ HĐTC ngày 12/10/2011 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/VBSĐBS ngày 17/10/2011 đối với tài sản là thửa đất số 350, tờ bản đồ số 07, diện tích 125m². Ngày 23/9/2015 ông B có đơn xin rút toàn bộ nội dung yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu trên. Xét thấy, việc ông B rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu của ông B về việc tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng thế chấp số: 11.26.0658A/ HĐTC ngày 12/10/2011 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/VBSĐBS ngày 17/10/2011. Ông Lê Văn B không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2]. Đối với yêu cầu trả nợ của Ngân hàng: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng đề nghị buộc ông B, bà T phải trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 27/9/2016 là 6.244.811.223 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 28/9/2016 cho đến khi trả hết nợ vay.

Tuy nhiên, ngày 19/4/2017 và tại phiên tòa, Ngân hàng có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.016.981.028đ tính từ ngày 10/8/2012 đến hết ngày 30/5/2017 (Trong đó nợ gốc: 1.550.000.000đ, nợ lãi 986.001.398đ, nợ lãi quá hạn 480.979.630đ). Không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Hợp đồng thế chấp số: 11.26.0658A/ HĐTC ngày 12/10/2011 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/VBSĐBS ngày 17/10/2011, đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất 350, tờ bản đồ số 07, diện tích 125 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 462177 do UBND huyện Yên Lạc cấp ngày 29/9/2003 đứng tên ông Lê Văn B.

Đề nghị buộc ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T trả Ngân hàng tổng số tiền tính từ ngày 10/8/2012 đến hết ngày 30/5/2017 là 3.672.403.111đ (Trong đó nợ gốc: 1.800.000.000đ, nợ lãi 1.260.936.103đ, nợ lãi quá hạn 611.467.008đ). Ông B và bà T phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc 1.800.000.000đ kể từ ngày 31/5/2017 cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng.

Xét thấy, các bên ký kết hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận, không trái đạo đức xã hội, đúng pháp luật. Do vậy, có đủ căn cứ khẳng định ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T còn nợ tiền gốc và tiền lãi như Ngân hàng trình bày là đúng. Tuy nhiên, Ngân hàng đã có đơn xin rút một phần yêu cầu đối với ông Bảy và bà Tính như đã nêu trên.

Việc Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu của Ngân hàng đối với khoản nợ đã rút yêu cầu và tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 11.26.0658A/ HĐTC ngày 12/10/2011 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/VBSĐBS ngày 17/10/2011. Ngân hàng không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Do ông Lê Văn B đã rút yêu cầu phản tố, Ngân hàng rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 11.26.0658A/ HĐTC ngày 12/10/2011 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/VBSĐBS ngày 17/10/2011, đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất 350, tờ bản đồ số 07, diện tích 125m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 462177 của UBND huyện Y cấp ngày 29/9/2003 đứng tên ông Lê Văn B. Vì vậy, yêu cầu của UBND xã T, huyện Y buộc ông B, bà T trả lại phần đất đã lấn chiếm và yêu cầu của anh T, chị H buộc ông B, bà T trả lại phần đất đã xây dựng lấn chiếm sang đất nhà anh chị, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này UBND xã T hoặc anh T, chị H khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Đối với yêu cầu buộc ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T trả Ngân hàng tổng số tiền tính từ ngày 10/8/2012 đến hết ngày 30/5/2017 là 3.672.403.111đ (Trong đó nợ gốc: 1.800.000.000đ, nợ lãi 1.260.936.103đ, nợ lãi quá hạn 611.467.008đ). Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu ông B và bà T phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc 1.800.000.000đ kể từ ngày 31/5/2017 cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng. Xét thấy, yêu cầu này của Ngân hàng là có căn cứ cần chấp nhận.

[4]. Trong trường hợp ông B và bà T không trả Ngân hàng số tiền tính từ ngày 10/8/2012 đến hết ngày 30/5/2017 là 1.946.439,373đ (Trong đó nợ gốc: 1.000.000.000đ, lãi trong hạn 636.129.934đ, lãi quá hạn 310.309.439đ) theo Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 11.26.0658B/HĐTC ngày 12/10/2011 đã ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị L là 01 Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 13, tờ bản đồ số 02, diện tích 187 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 010080 của UBND huyện Y cấp ngày 15/01/1998 đứng tên ông Nguyễn Văn P; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh

Vĩnh Phúc. Ông B là bị đơn đề nghị bàn giao cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để trả nợ, ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị L đề nghị ông B và bà T phải trả lại cho ông bà đất và tài sản trên đất đã thế chấp cho ông B và bà T vay Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc các bên ký kết Hợp đồng thế chấp trên là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm đối với thửa đất và tài sản trên đất đứng tên ông Nguyễn Văn P trong trường hợp ông B và bà T không thanh toán nợ gốc 1.000.000.000đ và lãi phát sinh là có căn cứ cần chấp nhận.

Ngoài ra, Ngân hàng còn đề nghị tiếp tục xử lý các tài sản khác của ông B và bà T để trả nợ trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ trả nợ. Xét thấy yêu cầu này là có căn cứ cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí đối với phần rút yêu cầu khởi kiện và không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền 56.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/ 00776 ngày 03 tháng 7 năm 2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Lạc. Ông Lê Văn B không phải chịu án phí đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu và được trả lại số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/ 04150 ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Lạc. Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T phải chịu 105.448.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp. Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu 105.248.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 290, 324, 355, 471, 474, 476, 715, 720 và Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

1. Buộc ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền gốc, tiền lãi và lãi quá hạn tính từ ngày 10/8/2012 đến hết ngày 30/5/2017 là 3.672.403.111đ (Trong đó nợ gốc: 1.800.000.000đ, nợ lãi 1.260.936.103đ, nợ lãi quá hạn 611.467.008đ). Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu khoản lãi kể từ ngày 31/5/2017 đối với khoản nợ gốc 1.800.000.000đ cho đến khi thanh toán xong theo mức thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 11.26.0658/HĐTD ngày 14/10/2011.

2. Trong trường hợp ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T không thanh toán số tiền tính từ ngày 10/8/2012 đến hết ngày 30/5/2017 là 1.946.439,373đ (Trong đó nợ gốc: 1.000.000.000đ, lãi trong hạn 636.129.934đ, lãi quá hạn 310.309.439đ) thì tài sản bảo đảm của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 11.26.0658B/HĐTC ngày 12/10/2011 đã ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị L sẽ bị xử lý để thu hồi đối với

khoản nợ trên, cụ thể là: 01 Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 13, diện tích 187 m², tờ bản đồ số 02 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 010080 do UBND huyện Y cấp ngày 15/01/1998 đứng tên ông Nguyễn Văn P; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ trả toàn bộ khoản nợ, ông B và bà T sẽ bị xử lý các tài sản khác để thu hồi nợ.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Lê Văn B về việc tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng thế chấp số: 11.26.0658A/ HĐTC ngày 12/10/2011 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/VBSĐBS ngày 17/10/2011.

Đình chỉ xét xử yêu cầu của Ngân hàng đối với khoản nợ 3.016.981.028đ (Trong đó nợ gốc: 1.550.000.000đ, nợ lãi 986.001.398đ, nợ lãi quá hạn 480.979.630đ) tính từ ngày 10/8/2012 đến hết ngày 30/5/2017. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 11.26.0658A/ HĐTC ngày 12/10/2011 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/VBSĐBS ngày 17/10/2011, cụ thể là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất 350, tờ bản đồ số 07, diện tích 125 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 462177 của UBND huyện Y cấp ngày 29/9/2003 đứng tên ông Lê Văn B; địa chỉ tài sản: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí đối với phần rút yêu cầu khởi kiện và không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 56.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/ 00776 ngày 03 tháng 7 năm 2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

Ông Lê Văn B không phải chịu án phí đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu và được trả lại số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/ 04150 ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Lạc. Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T phải chịu 105.448.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp. Ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu 105.248.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án tính từ ngày nhận được bản án hoặc được bản án tổng đạt hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Minh Tuấn